

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 501/2026/DS-PT

Ngày: 10-6-2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Sỹ Danh Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Gia Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **1008/2026/QĐ-PT** ngày **11** tháng **05** năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Hồng D**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Phạm Minh D**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau.

(Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2025)

- Bị đơn:

1. Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1960 (có mặt);

2. Bà **Lê Thị Thu D1**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Đặng Thị Hồng D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Phạm Minh Đ trình bày:

Bà Lê Thị Thu Đ1 và ông Lê Văn N là hội viên trong năm 2024 và 2025 có tham gia 02 dây hội do bà D làm đầu thảo cụ thể như sau:

Dây thứ 01: Hội 3.000.000đồng khai ngày 25/11/2024 âm lịch (nhằm ngày 25/12/2024 dương lịch) hội tháng, gồm có 25 phần, bà Đ1 và ông N tham gia 02 phần, đóng hội sống 02 kỳ thì hót hội 01 phần hội vào ngày 25/01/2025 âm lịch, bà D đã giao hội đầy đủ cho bà Đ1 và ông N, nhưng từ ngày 25/6/2025 âm lịch đến nay bà Đ1 và ông N ngưng không đóng hội chết. Đối với 01 phần hội sống còn lại bà Đ1 và ông N đã đóng được 07 kỳ với số tiền 21.000.000đồng, nhưng ông N và bà Đ1 còn nợ lại 18 phần hội chết x 3.000.000đồng = 54.000.000đồng được trừ đi số tiền hội sống 21.000.000đồng, nên còn nợ lại 11 kỳ hội số tiền 33.000.000đồng chưa tới kỳ khai.

Dây thứ 02: Hội 1.000.000đồng khai ngày 10/01/2025 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2025 dương lịch), hội tháng, gồm 27 phần, vợ chồng bà Đ1 và ông N tham gia 03 phần, đóng hội sống được 02 kỳ thì hót 01 phần vào ngày 10/3/2025 âm lịch, nhưng từ ngày 10/6/2025 âm lịch đến nay thì vợ chồng bà Đ1 và ông N ngưng không đóng. Còn 02 phần hội sống thì vợ chồng bà Đ1 đã đóng được 05 kỳ với số tiền 10.000.000đồng ngưng không đóng tiếp. Vợ chồng bà Đ1 và ông N nợ lại 22 kỳ hội chết số tiền 22.000.000đồng được trừ đi 10.000.000đồng tiền hội sống, nên còn nợ lại 12 kỳ hội số tiền 12.000.000đồng chưa tới kỳ khai.

Tổng cộng 02 dây hội vợ chồng bà Đ1 và ông N còn nợ 02 dây hội với số tiền 33.000.000đồng + 12.000.000đồng = 45.000.000đồng cho đến nay chưa trả đủ đến đòi rất nhiều lần.

Do đó, nay bà D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Lê Thị Thu Đ1 và ông Lê Văn N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội 45.000.000đồng trả theo kỳ khai hội.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Ông N và bà Đ1 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn, mặc dù sinh sống chung nhà nhưng tiền ai nấy xài, việc bà Đ1 tham gia chơi hội do bà D làm đầu thảo thì ông N không biết và không có ký tên gì vào các giấy tờ tham gia hội.

Khi Tòa án có giấy triệu tập thì ông N mới biết việc bà Đ1 nợ hụi của bà D số tiền 45.000.000đồng. Nay ông N không đồng ý liên đới cùng với bà Đ1 trả số nợ 45.000.000đồng này cho bà D.

Bị đơn Lê Thị Thu Đ1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp đã áp dụng các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ hụi, biếu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng D.

Buộc bà Lê Thị Thu Đ1 và ông Lê Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Hồng D số tiền hụi 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) trả theo kỳ khui hụi cụ thể như sau:

- + Lần thứ 01: Ngày 25/2/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 02: Ngày 25/3/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 03: Ngày 25/4/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 04: Ngày 10/5/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 05: Ngày 25/5/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 06: Ngày 10/6/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 07: Ngày 25/6/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 08: Ngày 10/7/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 09: Ngày 25/7/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 10: Ngày 10/8/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 11: Ngày 25/8/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 12: Ngày 10/9/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 13: Ngày 25/9/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 14: Ngày 10/10/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 15: Ngày 25/10/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 16: Ngày 10/11/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 17: Ngày 25/11/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 18: Ngày 10/12/2026 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 19: Ngày 25/12/2026 trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 20: Ngày 10/01/2027 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 21: Ngày 10/02/2027 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 22: Ngày 10/3/2027 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ Lần thứ 23: Ngày 10/4/2027 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, bị đơn Lê Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 04/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc ông N phải liên đới với bà Đ1 trả cho bà D số tiền nợ hụi là 45.000.000đồng.

oTại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Lê Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bà Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đ1.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Đ1 cũng không kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn N, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Lê Văn

N kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, ông N thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Đối với bị đơn Lê Thị Thu Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đ1 theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà D là chủ thảo hội, bà Đ1 là hội viên tham gia chơi hội do bà D làm chủ thảo. Bà Đ1 tham gia 02 dây hội (gồm hội 3.000.000đồng khai ngày 25/11/2024 âm lịch và dây hội 1.000.000đồng khai ngày 10/01/2025 âm lịch). Sau khi hốt 01 phần hội của dây hội 3.000.000đồng và hốt 01 phần hội của dây hội 1.000.000đồng thì bà Đ1 bỏ địa phương. Nay bà D khởi kiện đòi ông N, bà Đ1 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hội còn thiếu là 45.000.000đồng. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì ông N kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý liên đới cùng bà D trả tiền nợ hội cho bà D.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn N, nhận thấy:

[3.1] Trước hết, đối với phần nợ hội còn thiếu là 45.000.000đồng thì sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông N chỉ kháng cáo về trách nhiệm liên đới trả nợ.

[3.2] Đối với trách nhiệm liên đới trả nợ: Ông N kháng cáo cho rằng ông và bà Đ1 sống chung từ năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn, bà Đ1 hốt hội để chi tiêu cá nhân, không dùng số tiền để chi tiêu cho gia đình. Xét thấy, mặc dù ông N, bà Đ1 không có đăng ký kết hôn nhưng xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1986, nên được xem xét là hôn nhân thực tế. Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án sơ thẩm có tiến hành xác minh tại địa phương được biết, trước khi bà Đ1 vắng mặt tại địa phương thì sống chung nhà với ông N. Số tiền nợ hội phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thực tế của bà Đ1 và ông N. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 27 của luật hôn nhân gia đình để buộc ông N liên đới trả nợ cùng bà Đ1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Ông N được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ tịch, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng D.

Buộc bà Lê Thị Thu Đ1 và ông Lê Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Hồng D số tiền tịch 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) trả theo kỳ khai tịch cụ thể như sau:

- + Lần thứ 01: Ngày 25/2/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 02: Ngày 25/3/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 03: Ngày 25/4/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 04: Ngày 10/5/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 05: Ngày 25/5/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 06: Ngày 10/6/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 07: Ngày 25/6/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 08: Ngày 10/7/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 09: Ngày 25/7/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).

- + Lần thứ 10: Ngày 10/8/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 11: Ngày 25/8/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 12: Ngày 10/9/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 13: Ngày 25/9/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 14: Ngày 10/10/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 15: Ngày 25/10/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 16: Ngày 10/11/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 17: Ngày 25/11/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 18: Ngày 10/12/2026 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 19: Ngày 25/12/2026 trả 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- + Lần thứ 20: Ngày 10/01/2027 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 21: Ngày 10/02/2027 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 22: Ngày 10/3/2027 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).
- + Lần thứ 23: Ngày 10/4/2027 trả 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí :

- Ông Lê Văn N được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Thu Đ1 và ông Lê Văn N với số tiền 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Đặng Thị Hồng D số tiền 1.125.000đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006992 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt